ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 1019/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 684/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1223/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22/8/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Tài chính doanh nghiệp, ngành Tài chính - Ngân hàng (mã số 7340201).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (Khóa 22) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để c/đ);
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS.TS. Đinh Hồng Linh

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QTKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số:1019/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	CORPORATE FINANCE
3	Trình độ đào tạo	Cử nhân
4	Ngành đào tạo	Tài chính - Ngân hàng
5	Mã ngành	7340201
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	04 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	126 TC
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Ngân hàng - Tài chính
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	https://tueba.edu.vn http://nh-tc.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng Tiếng Anh: Finance - Banking bachelor
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Tài chính doanh nghiệp có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: *Nhóm 1. Chuyên viên* - Chuyên viên phân tích và tư vấn tài chính, thẩm định tài chính dự án, quản lý rủi ro …tại các loại hình doanh nghiệp. - Chuyên viên kinh doanh, môi giới, đầu tư,

TT	Tiêu đề	Nội dung
		thẩm định tài chính...tại các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, quỹ bảo hiểm, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác. - Chuyên viên tài chính, quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; chuyên viên tài chính tại các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp - Chuyên viên phân tích, đầu tư tài chính cá nhân - Triển vọng trong tương lai, cá nhân có thể trở thành Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc tài chính trong lĩnh vực Tài chính. - Nhân viên/chuyên viên/Chuyên gia, Trưởng nhóm, Trưởng bộ phận, Trưởng phòng, Giám đốc Khối tại các Cơ quan Nhà nước, Bộ ngành, Phòng/ Ban Tài chính, ... *Nhóm 2. Nhà đầu tư và chủ doanh nghiệp* - Nhà đầu tư tài chính - Nhà phân tích đầu tư tài chính - Chủ doanh nghiệp, start-up *Nhóm 3. Giảng viên và Nghiên cứu viên* - Giảng viên, nghiên cứu viên và trợ giảng tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước. - Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực Tài chính.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học ngành kinh tế, tài chính (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác liên quan. Người học có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao để phát triển và trở thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính; CTĐT Tài chính - Học viện Ngân hàng
18	Thông tin kiểm định CTĐT	CTĐT Tài chính doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số: 158/QĐ-CEA.UD ngày 06/6/2023
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 8/2025

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ và tự chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội; Có kiến thức nền tảng và bổ trợ về kinh tế, quản trị và quản lý; Có kiến thức toàn diện về Tài chính doanh nghiệp; có khả năng làm việc và thích ứng với môi trường năng động trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội; Đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên - xã hội; kiến thức chung về kinh tế, quản trị và quản lý; kiến thức chuyên ngành về tài chính doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu công việc chuyên môn trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.

PO2. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và kỹ năng bổ trợ để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập, quốc tế hóa;.

PO3. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe tốt; có ý thức học tập, nâng cao năng lực và trình độ theo tinh thần học tập suốt đời; có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân khi làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, chịu được áp lực trong công việc.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Quá trình xây dựng Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sử dụng thang năng lực Blooms được phát triển bởi nhà tâm lý học giáo dục Benjamin Bloom và các cộng sự vào năm 1956, sau đó được cải tiến vào năm 2001 nhằm phản ánh tốt hơn quá trình học tập hiện đại *(Quyết định 2035/QĐ-ĐHTN ngày 18/5/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra tại Đại học Thái Nguyên).*

Thang năng lực nhận thúc Bloom đã được rà soát lại năm 2001.

1. Nhớ (Remember): Nhớ lại kiến thức thích hợp từ bộ nhớ dài hạn.

2. Hiểu (Understand): Xây dựng khái niệm từ thông tin nhận được qua giao tiếp bằng miệng, bằng văn bản, đồ họa.

3. Vận dụng (Apply): Triển khai hoặc thực hiện một quy trình/thủ tục trong một tình huống cho sẵn.

4. Phân tích (Analyze): Chia thông tin thành những phần tử nhỏ hơn nhằm xác định được hình thái cấu trúc của sự vật. tìm kiếm mối quan hệ bên trong giữa các bộ phận với cấu trúc tổng thể hoặc mục tiêu chung.

5. Đánh giá (Evaluate): Đưa ra đánh giá dựa trên các tiêu chí và tiêu chuẩn.

6. Sáng tạo (Create): Kết hợp các yếu tố lại với nhau để tạo thành một chức năng tổng thể gắn kết; tổ chức lại các yếu tố thành một mô hình hoặc cấu trúc mới.

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	**Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn**	**2**
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	**Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành Tài chính ngân hàng**	**3**
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, quản trị và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản của lĩnh vực ngành Tài chính ngân hàng	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO3	**Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực tài chính doanh nghiệp**	**3**
PI3.1	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin cơ bản (word, excel, powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	3
PI3.2	Vận dụng kiến thức một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PLO4	**Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và đề xuất các giải pháp trong việc ra quyết định tài chính của doanh nghiệp**	**3**
PI4.1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính (tài chính doanh nghiệp, tài chính công, tài chính quốc tế, định giá tài sản, thẩm định tài chính dự án, thuế....) trong khi thực hiện công việc	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI4.2	Thực hành tính toán các số liệu tài chính trong các lĩnh vực liên quan	3
PI4.3	Vận dụng các chỉ số tài chính đã tính toán để đánh giá vấn đề khi thực hiện công việc	3
PI4.4	Đề xuất các giải pháp tài chính để giải quyết vấn đề khi thực hiện công việc	3
PLO5	**Vận dụng kiến thức chuyên môn khi tham gia trải nghiệm, thực tập và thực tế tại đơn vị**	**3**
PI5.1	Vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn để phân tích, xử lý các tình huống khi tham gia trải nghiệm, thực tế, thực tập tại đơn vị	3
PI5.2	Phân tích môi trường và lĩnh vực hoạt động của đơn vị để đưa ra những quyết định chuyên môn trong vị trí việc làm tương ứng	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	**Sử dụng các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp**	3
PI6.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI6.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn	3
PLO7	**Thành thạo các kỹ năng chuyên môn để phục vụ công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp**	**3**
PI7.1	Thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin để đưa ra các quyết định chuyên môn	3
PI7.2	Thực hiện lập kế hoạch tài chính, điều phối, tổ chức sắp xếp công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PI7.3	Thực hiện dự báo, phân tích các vấn đề để đưa giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn	3
PLO8	**Xây dựng được ý thức khởi nghiệp cho bản thân**	**2**
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	**Tuân theo các quy định của pháp luật, xã hội, cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời**	2
PI9.1	Tuân theo các quy định pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	2
PI9.2	Rèn luyện sức khoẻ, hình thành ý thức tự giác học tập và nghiên cứu	2
PLO10	**Bảo vệ được quan điểm cá nhân, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn; làm việc độc lập và chịu được áp**	**3**

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	lực trong công việc; thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc	
PI10.1	Bảo vệ được quan điểm cá nhân và có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn	3
PI10.2	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3
PI10.3	Thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc và định hướng nghề nghiệp cho bản thân	3

Lưu ý: *Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tối thiểu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo.*

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm	Học kỳ
				LT	TL	TH			
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**34**						
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	3	36	18	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)		2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	24	12	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)		3
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	24	12	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)		4
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	24	12	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)		5
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	24	12	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)		6
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	24	12	0	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1)		2
7	Ứng dụng công nghệ thông tin và AI	ITA131	3	22	0	46	PLO2 (PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO10 (PI10.2)		1
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	36	18	0	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)		1
9	Toán kinh tế	MAE131	3	36	18	0	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)		2
10	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp	YSKN131	3	45	0	0	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO8; PLO9 (PI9.2)		1
11	Ngoại ngữ (SV chọn học Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Nhật)		9						
11.1	Tiếng Anh		*9*						
	Tiếng Anh 1	ENG131	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		1
	Tiếng Anh 2	ENG132	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		2
	Tiếng Anh 3	ENG133	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		3
11.2	Tiếng Trung		*9*						
	Tiếng Trung 1	CHI131	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		1
	Tiếng Trung 2	CHI132	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		2
	Tiếng Trung 3	CHI133	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		3
11.3	Tiếng Nhật		*9*						
	Tiếng Nhật 1	JAP131	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		1
	Tiếng Nhật 2	JAP132	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		2
	Tiếng Nhật 3	JAP133	3	45	0	0	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)		3
12	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết				PLO9 (PI9.2)		1

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm	Học kỳ
				LT	TL	TH			
13	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết				PLO9 (PI9.2)		2
14	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết				PLO9 (PI9.2)		3
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh		8				PLO9 (PI9.2)		3
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**89**						
2.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		***25***						
	Bắt buộc		*21*						
16	Kinh tế học vi mô	MIE231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		1
17	Quản trị học	MAN231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		2
18	Kinh tế học vĩ mô	MAE231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		2
19	Marketing căn bản	PMA231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		3
20	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PLO9.2); PLO10 (PI10.2)		3
21	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	36	18		PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		3
22	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	36	18		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		3
	Tự chọn (SV chọn 1 trong số 4 học phần)								4
23	Luật thương mại	COL341	4	48	24		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PLO9.1) PLO10 (PI10.2)		
24	Thương mại điện tử	ECM341	4	36	18	30	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO10 (PI10.2)		
25	Tài chính cá nhân	PFI241	4	48	24		PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2);		
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SRM241	4	48	24		PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI10.2)		
2.2	***Kiến thức ngành***		***24***						
	Bắt buộc		*16*						
27	Kế toán tài chính 1	FIA341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2) PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)		5
28	Tài chính doanh nghiệp căn bản	COF341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x	4
29	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại căn bản	COB341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x	4
30	Phân tích và đầu tư chứng khoán	AIS341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1,	x	5

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm	Học kỳ
				LT	TL	TH			
							PI7.2; PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
	Tự chọn (SV chọn 2 trong số 6 học phần)		*8*						5
31	Tài chính quốc tế	INF341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
32	Thuế	STT341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1);PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
33	Nguyên lý bảo hiểm	PRI341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
34	Luật tài chính	FLA341	4	48	24		PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)		
35	Digital Marketing	DMA341	4	48	24		PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		
36	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	ORC341	4	48	24		PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1)		
2.3	*Kiến thức chuyên ngành*		*24*						
	Bắt buộc		*16*						
37	Tài chính doanh nghiệp chuyên ngành	COF342	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	x	6
38	Phân tích tài chính doanh nghiệp	CFA341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1);PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO8 PLO10 (PI10.2)		6
39	Quản trị rủi ro tài chính	FRM341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	x	7
40	Định giá tài sản	BPR341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		6
	Tự chọn (SV chọn 2 trong số 6 học phần)		*8*						7
41	Tín dụng ngân hàng	BCR341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
42	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	COB342	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO10 (PI10.2)		
43	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	BPC341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO10 (PI10.2)		
44	Kế toán quản trị	MAA341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.4); (PI7.1, PI7.3); PLO10 (PI10.1)		
45	Tài chính công	PUF341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm	Học kỳ
				LT	TL	TH			
46	Quản lý danh mục đầu tư	POM341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
2.4	***Thực tế trải nghiệm***	FIT221	*2*				PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO5 (PI5.2); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)		4
2.5	***Thực tập môn học***	SUI421	*2*				PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)		6
2.6	***Thực tập tốt nghiệp***	GRI441	*4*				PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)		8
2.7	***Khóa luận tốt nghiệp***	GET904	*8*				PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)		8
	Tự chọn thay thế khóa luận (SV chọn 2 trong số 4 học phần)		8						8
47	Tài chính công ty đa quốc gia	FMC341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
48	Kỹ năng quản trị	MAS341	4	48	24		PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		
49	Kiểm toán nội bộ	INA341	4	48	24		PLO4 (PI4.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI 9.1, PI9.2)		
50	Thanh toán quốc tế	INP341	4	48	24		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)		
3	**Khối kiến thức bổ trợ** *(SV chọn 1 trong 2 học phần)*		3						7
51	Thực hành nghiệp vụ Tài chính - Ngân hàng	POF331	3	36	18		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1,PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)		
52	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	WBM241	4	36	18	30	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)		
	Tổng số tín chỉ		**126**						